

Số: 42 /2020/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 15 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Quảng Thị Q - Sinh năm: 1987
Nơi ĐKKTT: Đội 1A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Địa chỉ: Đội 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lù Văn C - Sinh năm: 1984
Địa chỉ: Đội 1A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Quảng Thị Q và anh Lù Văn C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Quảng Thị Q và anh Lù Văn C thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lù Bích P sinh ngày 04/8/2016 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lù Thị Ngọc A sinh ngày 10/11/2007 và Lù Hải N sinh ngày 27/9/2016 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Nợ lấy về: Không có; Tài sản chung, Nợ phải trả, Diện tích ruộng nương: Hai anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Anh C và chị Q mỗi người phải chịu 75.000 đ án phí DSST. Nhưng chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003315 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Q đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA dân sự H. Đ;
- VKSND H.Đ;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên